**NHẬP MÔN CÔNG NGHỆ PHẦN MỀM**





A picture containing drawing

Description automatically generated

**MỤC LỤC**

[**1**](#_heading=h.gjdgxs) **Bảng đánh giá thành viên 2**

[**1**](#_heading=h.30j0zll) **Kế hoạch kiểm thử (Test plan) 3**

[**2**](#_heading=h.1fob9te) **Test case 4**

[2.1](#_heading=h.3znysh7) Danh sách các test case 4

[2.2](#_heading=h.tyjcwt) Đặc tả các test case 4

[2.2.1](#_heading=h.3dy6vkm) Test case Tra cứu thành viên 4

[2.2.2](#_heading=h.1t3h5sf) Test case Thêm thành viên thành công 5

[2.2.3](#_heading=h.4d34og8) Test case Thêm thành viên thất bại 5

**TÀI LIỆU KIỂM THỬ**

Tài liệu tập trung vào các chủ đề:

* Tạo ra tài liệu kiểm thử phần mềm.
* Hoàn chỉnh tài liệu kiểm thử phần mềm với các nội dung:
  + Kế hoạch kiểm thử (Test plan)
  + Các test case
* Đọc hiểu tài liệu kiểm thử phần mềm.

# Bảng đánh giá thành viên

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **MSSV** | **Họ Tên** | **% đóng góp (tối đa 100%)** | **Chữ ký** |
| 1412168 | Võ Thanh Hiếu |  |  |
| 1712782 | Đào Thanh Thiện |  |  |
| 1712338 | Vũ Trọng Đạt |  |  |
| 1712489 | Đỗ Bĩnh Huy |  |  |
| 1712377 | Trương Thái Dương |  |  |

# Kế hoạch kiểm thử (Test plan)

Trong dự án lần này chỉ áp dụng kiểm thử ở bản release (Release testing)

Việc kiểm thử sẽ được dựa trên các yêu cầu được nêu ra ở requirement bao gồm:

* Các trường hợp đúng (Basic flow)
* Các trường hợp ngoại lệ (Alternative flow)
* Các trường hợp phụ (Sub flow)
* Các lỗi hay gặp từ ở các công nghệ được chọn
* Các loại lỗi thường gặp ở các hệ thống tương tự

# Test case

## Danh sách các test case

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên test case** | **Đối tượng test** | **Ý nghĩa** |
| 1 | Tra cứu thành viên | Thành viên | Kiểm tra việc tra cứu thành viên trong cây gia phả có trả về danh sách đúng yêu cầu hay không |
| 2 | Thêm thành viên thành công | Thành viên | Kiểm thử việc thêm thành viên vào cây gia phả nếu thành công có chạy đúng như yêu cầu không. |
| 3 | Thêm thành viên thất bại | Thành viên | Kiểm thử việc thêm thành viên khi nhập thông tin sai. |
| 4 | Lập báo cáo tăng giảm thành viên | Thành viên | Kiểm thử việc lập danh sách tăng giảm thành viên có trả về danh sách đúng yêu cầu hay không. |
| 5 | Nhập sai thông tin bộ lọc trong lập báo cáo tăng giảm thành viên. | Thành viên | Kiểm thử việc hiển thị thông báo và trả về danh sách khi nhập sai thông tin cho bộ lọc. |
| 6 | Lập báo cáo thành tích. | Thành viên | Kiểm thử việc lập danh sách thành tích có trả về danh sách đúng yêu cầu hay không. |
| 7 | Nhập sai thông tin bộ lọc trong lập báo cáo tăng giảm thành viên. | Thành viên | Kiểm thử việc hiển thị thông báo và trả về danh sách khi nhập sai thông tin cho bộ lọc. |
| 8 | Thay đổi quy định | Thành viên | Kiểm thử việc thay đổi loại quy định cho thành viên trong cây gia phả có chạy đúng như yêu cầu hay không |
| 9 | Thêm quy định | Thành viên | Kiểm thử việc thêm quy định cho thành viên trong cây gia phả có chạy đúng như yêu cầu không |
| 10 | Xóa quy định | Thành viên | Kiểm thử việc xóa quy định cho thành viên trong cây gia phả có chạy đúng như yêu cầu không |

## Đặc tả các test case

### Test case Tra cứu thành viên

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Tra cứu thành viên** |
| *Related Use case* | UC01 |
| *Context* | Người dùng hệ thống muốn tra cứu một hoặc một số thành viên trong cây gia phả dựa vào tên của thành viên |
| *Input Data* | Từ khóa tìm kiếm tên thành viên |
| *Expected Output* | Danh sách các thành viên có tên/một phần tên giống từ khóa hoặc trả về danh sách rỗng nếu không có thành viên thỏa từ khóa |
| *Test steps* | * + - 1. Nhập từ khóa vào ô textbox       2. Bấm nút tìm kiếm |
| *Actual Output* |  |
| *Result* |  |

### Test case Thêm thành viên thành công

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Thêm thành viên thành công** |
| *Related Use case* | UC02 |
| *Context* | Người dùng thêm thành viên mới vào hệ thống |
| *Input Data* | Thông tin thành viên mới, hợp lệ với các yêu cầu của hệ thống |
| *Expected Output* | Thông báo thành công hiện ra.  Khi sử dụng chức năng tra cứu sẽ tìm ra thành viên mới được thêm vào |
| *Test steps* | Nhập thông tin vào các ô textbox  Chọn các thông tin phù hợp từ combobox  Bấm nút **Thêm** |
| *Actual Output* | *Hiện thông báo thành công*  *Dữ liệu vừa nhập được đưa vào cơ sở dữ liệu* |
| *Result* | *Passed* |

### Test case Thêm thành viên thất bại

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Thêm thành viên thất bại** |
| *Related Use case* | UC02 |
| *Context* | Người dùng thêm thành viên mới vào hệ thống |
| *Input Data* | Thông tin thành viên mới nhưng không hợp lệ với các yêu cầu của hệ thống |
| *Expected Output* | Thông báo thất bại hiện ra.  Khi sử dụng chức năng tra cứu sẽ không thể tìm ra thành viên mới được thêm vào |
| *Test steps* | 1. Nhập thông tin vào các ô textbox 2. Chọn các thông tin phù hợp từ combobox 3. Bấm nút **Thêm** |
| *Actual Output* | *Hiện thông báo thất bại. Hiển thị màn hình của chức năng Thêm Thành Viên*  *Không có thay đổi trong cơ sở dữ liệu* |
| *Result* | *Passed* |

### Test case Lập báo cáo tăng giảm thành viên thành công

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Lập báo cáo tăng giảm thành viên** |
| *Related Use case* | UC04 |
| *Context* | Người dùng lập báo cáo tăng giảm thành viên theo từng năm trong khoảng thời gian. |
| *Input Data* | Thông tin khoảng thời gian, hợp lệ với các yêu cầu của hệ thống. |
| *Expected Output* | Trả về danh sách tăng giảm thành viên theo từng năm. Nếu không tìm thấy dữ liệu phù hợp sẽ trả về null. |
| *Test steps* | 1. Chọn thông tin báo cáo tăng giảm thành viên trong combobox. 2. Nhập các thông tin vào textbox. 3. Bấm nút **Lập báo cáo**. |
| *Actual Output* |  |
| *Result* |  |

### Test case Nhập sai thông tin bộ lọc trong lập báo cáo tăng giảm thành viên.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Nhập sai thông tin bộ lọc trong lập báo cáo tăng giảm thành viên** |
| *Related Use case* | UC04 |
| *Context* | Người dùng nhập sai thông tin khoảng thời gian. |
| *Input Data* | Thông tin khoảng thời gian không hợp lệ với các yêu cầu của hệ thống. |
| *Expected Output* | Hiển thị thông báo không hợp lệ.  Trả về danh sách tăng giảm thành viên rỗng. |
| *Test steps* | 1. Chọn thông tin báo cáo tăng giảm thành viên trong combobox. 2. Nhập sai các thông tin vào textbox. 3. Bấm nút **Lập báo cáo**. |
| *Actual Output* |  |
| *Result* |  |

### Test case Lập báo cáo thành tích thành công

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Lập báo cáo thành tích** |
| *Related Use case* | UC04 |
| *Context* | Người dùng lập báo cáo thành tích theo từng năm trong khoảng thời gian. |
| *Input Data* | Thông tin khoảng thời gian, hợp lệ với các yêu cầu của hệ thống. |
| *Expected Output* | Trả về danh sách thành tích theo từng năm. Nếu không tìm thấy dữ liệu phù hợp sẽ trả về null. |
| *Test steps* | 1. Chọn thông tin báo cáo thành tích trong combobox. 2. Nhập các thông tin vào textbox. 3. Bấm nút **Lập báo cáo**. |
| *Actual Output* |  |
| *Result* |  |

### 2.2.7 Test case Nhập sai thông tin bộ lọc trong lập báo thành tích.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Nhập sai thông tin bộ lọc trong lập báo thành tích** |
| *Related Use case* | UC04 |
| *Context* | Người dùng nhập sai thông tin khoảng thời gian. |
| *Input Data* | Thông tin khoảng thời gian không hợp lệ với các yêu cầu của hệ thống. |
| *Expected Output* | Hiển thị thông báo không hợp lệ.  Trả về danh sách thành tích rỗng. |
| *Test steps* | 1. Chọn thông tin báo cáo thành tích trong combobox. 2. Nhập sai các thông tin vào textbox. 3. Bấm nút **Lập báo cáo**. |
| *Actual Output* |  |
| *Result* |  |

***2.2.8 Test case Thay đổi quy định***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Thay đổi quy định** |
| *Related Use case* | UC03 |
| *Context* | Người dùng thay đổi quy định |
| *Input Data* | Thay đổi quy định sang một quy định khác |
| *Expected Output* | Hiển thị thông báo thành công.  Hệ thống cập nhập quy định cũ đổi thành quy định mới.  Trạng thái quy định của các thành viên có quy định cũ được cập nhập. |
| *Test steps* | 1. Chọn quan hệ trong màn hình thay đổi quy định 2. Thay đổi tên của quy định 3. Bấm Enter 4. Chọn Confirm ở màn hình xác nhận |
| *Actual Output* |  |
| *Result* |  |

***2.2.9 Test case Thêm quy định***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Thêm quy định** |
| *Related Use case* | UC03 |
| *Context* | Người dùng thêm quy định |
| *Input Data* | Thông tin quy định mới |
| *Expected Output* | Hiển thị thông báo thành công.  Hệ thống cập nhập quy định mới  Có thể lựa chọn quy định mới khi thêm thành viên |
| *Test steps* | 1. Chọn thêm trong màn hình thay đổi quy định 2. Nhập thông tin quy định mới 3. Chọn Confirm ở màn hình xác nhận |
| *Actual Output* |  |
| *Result* |  |

***2.2.10 Test case Xóa quy định***

|  |  |
| --- | --- |
| ***Test case*** | **Xóa quy định** |
| *Related Use case* | UC03 |
| *Context* | Người dùng xóa quy định |
| *Input Data* | Xóa quy định |
| *Expected Output* | Hiển thị thông báo thành công.  Hệ thống cập nhập xóa quy định cũ  Trạng thái quy định của các thành viên có quy định cũ bị xóa |
| *Test steps* | 1. Chọn quy định trong màn hình thay đổi quy định 2. Chọn Xóa 3. Chọn Confirm ở màn hình xác nhận |
| *Actual Output* |  |
| *Result* |  |